

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày: 16/03/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hồ Thanh Tòng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Nguyễn Văn Móm Em**

2/. Bà **Huỳnh Văn Hồng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lý Ngọc Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:* Ông **Trần An Khương** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/- **Đàm Hữu T**, sinh năm 1995 (Tên gọi khác: T Cũn); Nơi sinh Thành phố Cần Thơ

Nơi cư trú: số 132/126A V, quận K, Thành phố C.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Cha: vô danh, Mẹ: bà Đàm Thị Ngọc B, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 04 tiền án.

+ Ngày 17/5/2017 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố C xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

+ Ngày 19/7/2017 bị Tòa án nhân dân quận N, Thành phố C xử phạt 02 tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 17/3/2019.

+ Ngày 28/8/2019 bị Tòa án nhân dân quận N, Thành phố C xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 19/10/2020.

+ Ngày 16/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh N xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam C, huyện B, tỉnh N.

Có mặt tại phiên tòa.

2/- **Ngô Thanh T**, sinh năm 1984; Nơi sinh tại Thành phố Cần Thơ

Nơi cư trú: số 144/7 B, phường H, quận T, Thành phố C

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Ngô Văn X, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1955; Bị cáo chưa có vợ. Anh chị em ruột 06 người (lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1994).

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

* Nhân thân:

Ngày 31/8/2010 bị Tòa án nhân dân quận N, Thành phố C xử phạt 08 năm tù về tội: “Cướp tài sản” đã chấp hành án xong vào ngày 31/8/2013.

Ngày 10/11/2015 bị Công an quận N, Thành phố C xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

* *Người bị hại:* **Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Chi nhánh VL**

Địa chỉ: Số 291 ấp C, xã T, huyện L, tỉnh VL.

- Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Thế H**- Chức vụ: Giám đốc.

Nơi cư trú: 12A12, tổ 48A, KV7, phường P, quận C, Thành phố C.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế H có anh Nguyễn Thanh N (Theo giấy ủy quyền ngày 15/3/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đàm Hữu T và Ngô Thanh T là bạn bè với nhau, do không có tiền tiêu xài nên T rủ T tìm xe mô tô để trộm và bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 22 giờ ngày 03/4/2021, T và T thuê hai người thanh niên (không rõ lai lịch) chạy honda khách (xe Grab) chở T và T đến tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 04/4/2021, khi đến trước Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - CN VL (cửa hàng Yamaha Sài Gòn 3) cặp Quốc lộ 53 thuộc ấp A, xã T, huyện V, tỉnh

VL, T nhìn thấy nhà kho kế bên cửa hàng Yamaha đóng cửa không ai trông giữ, nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà kho lấy trộm tài sản. Lúc này T kêu hai thanh niên dừng xe lại để T và T xuống xe, rồi trả tiền xe cho hai thanh niên. Sau khi hai thanh niên đi về, T và T đi đến trước cửa nhà kho, T dùng tua vít mang theo sẵn trong người mở khoen hai ổ khóa cửa, kéo cửa nhà kho ra rồi cùng T đi vào nhà kho, thấy có nhiều xe mô tô chưa qua sử dụng. T dẫn hai chiếc xe gắn máy ra dựng trước cửa nhà kho để khởi động máy, nhưng do xe chưa lắp ráp đầy đủ thiết bị nên không khởi động máy được. Cả hai quay vào trong nhà kho, T dẫn một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, màu nâu đen, xe chưa qua sử dụng, có gắn sẵn chìa khóa ra cửa rồi khởi động máy nhưng không được. Khi T kết nối nguồn điện vào bình ắc quy xong, T khởi động được máy và điều khiển xe chở T lưu thông hướng về thành phố Vĩnh Long. Khi đến thành phố Vĩnh Long, T kêu T đi thành phố Hồ Chí Minh bán xe, còn T đón xe về thành phố Cần Thơ. Trên đường đi T điện thoại cho một người tên Thái (không rõ lai lịch) để bán xe và hẹn gặp tại tỉnh Long An, sau đó T đã bán xe được số tiền 10.000.000 đồng rồi quay về thành phố Cần Thơ gặp T, chia nhau tiền bán xe sau khi trừ tiền thuê xe từ A về T 400.000đ, số tiền còn lại chia đôi mỗi người nhận được số tiền 4.800.000 đồng, cả hai dùng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 06/4/2021 Đàm Hữu T thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố C. Ngày 9/4/2021 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận R, thành phố C khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 08/4/2021 Ngô Thanh T thực hiện hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” trên địa bàn quận T, thành phố C bắt quả tang. Ngày 15/4/2021 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố C khởi tố bị can và tạm giam đối với T về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Tại kết luận số: 14/KL-HĐĐGTS, ngày 20/04/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vũng Liêm xác định giá trị: 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, màu nâu đen, chưa qua sử dụng có giá trị thành tiền là 56.200.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng) (Bút lục 51,52,53).

Ngày 12/5/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L ra quyết định khởi tố vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để tiến hành điều tra. Qua quá trình điều tra T và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Đến ngày 29/6/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã khởi tố bị can đối với Đàm Hữu T và Ngô Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với người tên T (không rõ lai lịch), cơ quan điều tra chưa làm việc được. Khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Về vật chứng: Dụng cụ (tua vít) các bị can dùng để thực hiện hành vi phạm tội đã mất nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Người điện diện theo pháp luật của cửa hàng Yamaha Sài Gòn 3, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 56.200.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng) do xe bị mất chưa thu hồi được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng cũng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Đàm Hữu T áp dụng c, g Khoản 2 Điều 173 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Hữu T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với bị cáo Ngô Thanh T áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù “Trộm cắp tài sản”.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đàm Hữu T có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Chi nhánh VL số tiền 28.100.000đ (giá trị ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, màu nâu đen).

Buộc bị cáo Ngô Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Chi nhánh VL số tiền 28.100.000đ (giá trị ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, màu nâu đen).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đàm Hữu T và bị cáo Ngô Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Về án phí dân sự bồi thường thiệt hại, mỗi bị cáo phải nộp 1.405.000đ.

Lời nói sau cùng tại phiên tòa: bị cáo Đàm Hữu T, Ngô Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vũng Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Để có tiền tiêu xài cá nhân và chơi game nên bị cáo Đàm Hữu T và bị cáo Ngô Thanh T đã lén lút phá khóa cửa nhà kho của Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 3 Chi nhánh Vĩnh thuộc Công ty TNHH TMDV Sài Gòn - CN VL tại ấp A, xã T, huyện L, tỉnh VL, lấy trộm tài sản 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, màu nâu đen chưa qua sử dụng có giá trị thành tiền 56.200.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS.

Bị cáo T có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền án về tội “Chống người thi hành công vụ” chưa được xóa án tích, nên bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Bị cáo Ngô Thanh T có nhân thân không tốt ngày 31/8/2010 bị Tòa án nhân dân quận K, Thành phố C xử phạt 08 năm tù về tội: “Cướp tài sản” đã chấp hành án xong vào ngày 31/8/2013; Ngày 10/11/2015 Công an quận K, Thành phố C phạt 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T cùng bị cáo T đã thỏa thuận, bàn bạc, đi tìm tài sản sơ hở trong quản lý của người dân để trộm cắp. Bị cáo T đã biết trước ý định của bị cáo T nhưng bị cáo không từ chối, hay khuyên can T không thực hiện ý định trên mà bị cáo đồng ý cùng với T thực hiện tới cùng hành vi phạm tội, do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo T và bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó T giữ vai trò người chủ mưu và người thực hiện. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xe, bị cáo T trực tiếp liên lạc tìm người quen liên hệ để bán xe lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

[3] Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố các bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp quy định của pháp luật, không oan, không sai.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bản thân các bị cáo là người có khả năng lao động để tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp nuôi sống bản

thân và gia đình, nhưng các bị cáo không tích cực lao động, để có tiền tiêu xài các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền. Bị cáo T là người có tiền án, chưa được xóa án tích nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lấy tiền phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân. Ngoài ra T còn rủ rê người khác để cùng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Trong vụ án này T giữ vai trò chính, là người rủ rê, người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo T là người bị lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội nhằm kiếm tiền mua ma túy sử dụng. Bị cáo T và bị cáo T cho thấy sự xem thường pháp luật, không có ý định học tập và chấp hành tốt quy định của pháp luật sau khi đã có thời gian tương đối dài chấp hành hình phạt tù cho các tội danh đã bị xét xử trước đây.

Do vậy, khi quyết định hình phạt cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm cho từng bị cáo, phù hợp với nhân thân và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đồng thời, có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo thực hiện nên được chấp nhận.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[6] Về xử lý vật chứng: không.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T và bị cáo T thống nhất mỗi người có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho phía người bị hại. Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại thống nhất với nội dung trên. Xét thấy, bị cáo T và bị cáo T cùng hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị xe trộm cắp được, tại phiên tòa cả hai thống nhất chia đôi trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được phía người đại diện của người bị hại thống nhất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc bị cáo Đàm Hữu T có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Chi nhánh VL số tiền 28.100.000đ (Hai mươi tám triệu một trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Ngô Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Chi nhánh VL số tiền 28.100.000đ (Hai mươi tám triệu một trăm ngàn đồng).

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự bồi thường thiệt hại. Mỗi bị cáo phải nộp 1.405.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đàm Hữu T (T Cũn) và bị cáo Ngô Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đàm Hữu T 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 96/2021/HSST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân Quận R, Thành phố C xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù; Bản án số 131/2021/HSST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh N xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 09/4/2021.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đàm Hữu T.

1.2 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 17 và Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Ngô Thanh T 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 46/2021/HSST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố C xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/4/2021.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Ngô Thanh T.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đàm Hữu T có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Chi nhánh VL số tiền 28.100.000đ (Hai mươi tám triệu một trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Ngô Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH TMDV Sài Gòn – Chi nhánh VL số tiền 28.100.000đ (Hai mươi tám triệu một trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: không.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự về bồi thường trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đàm Hữu T phải nộp 1.405.000 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Ngô Thanh T phải nộp 1.405.000 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) tiền án phí dân sự về bồi thường trách nhiệm dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND tỉnh VL;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Nhà tạm giữ CA huyện L;
- Cơ quan CSĐT CA huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu.

Hồ Thanh Tòng

